



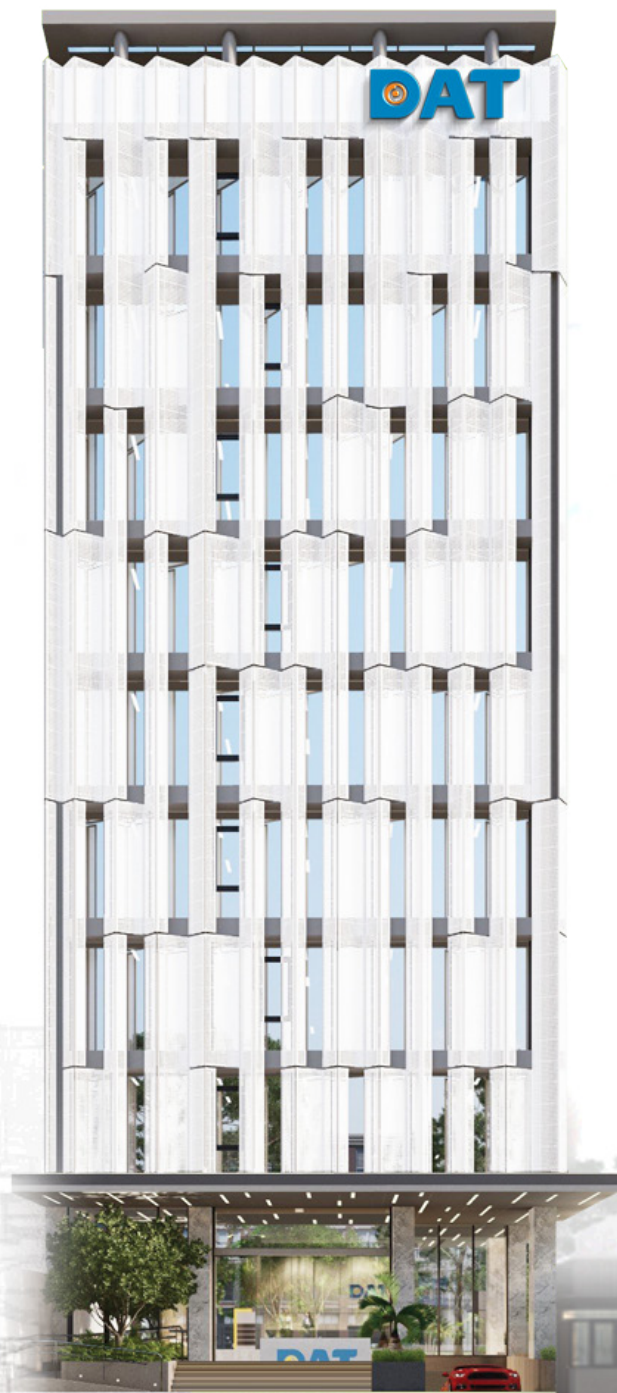
Danh mục sản phẩm

Điện mặt trời - Lưu trữ điện



GIỚI THIỆU VỀ DAT SOLAR

DAT Group là Tập đoàn công nghệ - thương mại dịch vụ có quy mô, uy tín dẫn đầu Việt Nam trong lĩnh vực tự động hóa công nghiệp và năng lượng tái tạo. Trong đó, DAT Solar chuyên về mảng điện năng lượng mặt trời - lưu trữ điện, đã cung cấp và triển khai hàng chục ngàn hệ thống điện mặt trời trên khắp cả nước. DAT Solar không ngừng tiên phong kiến tạo Hệ sinh thái, gia tăng hiệu quả, mang đến giá trị tối ưu cho khách hàng, đối tác.



CHẶNG ĐƯỜNG HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2006

Thành lập Công ty TNHH Kỹ Thuật Đạt

2007

Trở thành Đại lý phân phối của INVT.

2012

Đại diện độc quyền của INVT tại Việt Nam.

Thành lập Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật của INVT.

2013

Phát triển Điện năng lượng mặt trời.

2017

Trở thành đối tác Ủy quyền của Canadian Solar.

2019

Nhà phân phối xuất sắc nhất toàn cầu của INVT.

2020

Trở thành đối tác Thương mại của SMA, đối tác Ủy quyền của Sungrow.

2022

Chính thức là đối tác Độc quyền của Sokoyo tại Việt Nam.

Trở thành đối tác Ủy quyền của Pylontech.

Nâng tầm vị thế, trở thành Công ty Cổ phần Tập đoàn DAT.

Đạt chứng nhận ISO 9001:2015 từ tổ chức TÜV NORD.

2023

DAT Solar phân phối Độc quyền Hybrid Inverter của GoodWe tại Việt Nam.

HỆ SINH THÁI DAT GIA TĂNG HIỆU QUẢ



ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC



10.000+
Hệ thống

800MWp+
Đã cung cấp và triển khai

1.800+
Đối tác trong nước

250+
Nhân sự tài năng

18+
Năm kinh nghiệm

24/7
Tổng đài hỗ trợ

3
Trung tâm bảo hành

MỘT LẦN KẾT NỐI

DAT GROUP SẼ ĐỒNG HÀNH TRỌN ĐỜI



Sứ mệnh của chúng tôi là tạo nên hệ sinh thái giá trị để đồng hành hữu ích cùng khách hàng.

Vì thế hơn 18 năm qua, DAT Group luôn cam kết đồng hành với 100% khách hàng trong trọn vòng đời sản phẩm bằng các dịch vụ của mình. Nguyên tắc của chúng tôi là luôn tận tâm với khách hàng, cả trước khi mua hàng và sau khi hoàn thành dự án, để giúp khách hàng an tâm ứng dụng các sản phẩm của DAT Group và toàn tâm vào việc kinh doanh cốt lõi.



DAT SOLAR

HỆ SINH THÁI CUNG CẤP THIẾT BỊ ĐIỆN MẶT TRỜI VÀ LƯU TRỮ ĐIỆN QUY MÔ LỚN, ĐỒNG HÀNH TOÀN DIỆN BỀN VỮNG



Là đối tác chiến lược của các tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới trong lĩnh vực điện mặt trời như

invt **SOKOYO**[®] **PYLONTECH** **LONGi**

CanadianSolar **SUNGROW** **GOODWE** **ASTRONERGY**

DAT Solar nỗ lực trở thành nhà cung cấp toàn diện thiết bị điện mặt trời, lưu trữ điện, đèn năng lượng mặt trời quy mô lớn và hàng đầu tại Việt Nam. DAT Solar đầu tư kho hàng hàng ngàn m² tại trụ sở chính TP. HCM và ở các chi nhánh Hà Nội, Cần Thơ; luôn có sẵn số lượng lớn pin, inverter và đầy đủ các thiết bị ngoại vi sẵn sàng cung cấp ngay khi khách hàng có yêu cầu triển khai dự án. Điều này, giúp khách hàng, đối tác không phải tốn thời gian, chi phí nhập hàng, lưu kho vật tư, đảm bảo dự án hoàn thành đúng tiến độ, gia tăng sự hiệu quả.

Ngoài ra, DAT Solar còn ứng dụng nền tảng công nghệ ERP để quản lý bảo hành điện tử đến từng mã hàng. Đại diện các hãng bảo hành sản phẩm, thay thế, đổi trả trực tiếp tại Việt Nam, mang đến sự an tâm và hài lòng cao nhất. Với mục tiêu kiên định, sự tin tưởng trọn vẹn từ khách hàng, cùng nền tảng Hệ sinh thái giá trị toàn diện, DAT Solar sẽ ngày càng phát triển bền vững, không ngừng lớn mạnh, kiến tạo một tương lai xanh cho Việt Nam và thế giới.



Thương hiệu của những flagship trong lĩnh vực điện mặt trời

Với nền tảng công nghệ hơn 23 năm trong lĩnh vực điện mặt trời, cùng đội ngũ hơn 250 nhà khoa học và 14.000 kỹ sư, chuyên gia công nghệ và nhân sự trên toàn cầu, Canadian Solar hiện là một trong những nhà sản xuất tấm pin ứng dụng nhiều công nghệ tối tân nhất. Đặc biệt, họ đã đưa nhiều công nghệ lên một tầm cao mới và tiên phong sản xuất, cung cấp ra thị trường như Black Silicon, PERC, Half-cut cells, 9 Busbars, Bifacial, Double glass. Ngoài ra, công nghệ Module N-type TOPCon được kế hoạch sản xuất đại trà vào cuối năm 2022.

Những dòng flagship cao cấp của thương hiệu đến từ Canada đang giúp các nhà đầu tư tạo ra sản lượng điện cao hơn với cùng chi phí đầu tư, là hình mẫu mà nhiều hãng khác luôn khao khát và hướng đến trong nhiều năm qua.

Những con số ấn tượng về Canadian Solar

6 Top 6 nhà sản xuất tấm pin năng lượng mặt trời lớn nhất thế giới

23 Năm tiên phong phát triển công nghệ điện mặt trời

125 GW Tổng công suất tấm pin đã bán



Thương hiệu chiếm 1/4 nhu cầu thị trường toàn cầu về module năng lượng mặt trời hiệu suất cao

Được thành lập vào năm 2000, LONGi cam kết trở thành công ty công nghệ năng lượng mặt trời hàng đầu thế giới. LONGi tin rằng, công nghệ năng lượng mặt trời là dành cho tất cả mọi người và tập trung vào đổi mới sản phẩm đáng tin cậy để phân phối năng lượng một cách công bằng. Với sứ mệnh "tận dụng năng lượng mặt trời tốt nhất để xây dựng một thế giới xanh", LONGi đã cung cấp hơn 30GW tấm và mô-đun năng lượng mặt trời hiệu suất cao trên toàn thế giới hàng năm, chiếm 1/4 nhu cầu thị trường toàn cầu.

Những con số ấn tượng về LONGi

Top 1 Ngành công nghiệp quang điện của Trung Quốc

Top 1 Chỉ số sức khỏe tài chính BNEF



Top 6 toàn cầu về sản lượng module năng lượng mặt trời

Astronergy, thành viên của tập đoàn CHINT Group, là một trong những thương hiệu hàng đầu thế giới trong lĩnh vực năng lượng mặt trời, chuyên tập trung sản xuất các tế bào và module quang điện hiệu suất cao, thích ứng nhanh chóng xu hướng thị trường. Thành lập vào năm 2006, Astronergy liên tục đầu tư vào nghiên cứu và phát triển để nâng cao hiệu suất và độ bền của sản phẩm, đồng thời giảm thiểu chi phí sản xuất. Astronergy còn nổi bật trong việc tiên phong phát triển các module năng lượng mặt trời TOPCon N-type.

Những con số ấn tượng về Astronergy

No.1 "100 doanh nghiệp tư nhân có trách nhiệm xã hội hàng đầu Trung Quốc" năm 2021

Tier 1 Nhà sản xuất module quang điện (Theo Bloomberg NEF)

Top 10 Nhà cung cấp module quang điện (Theo S&P Global)

140+ Quốc gia và khu vực tin dùng

7 Lần liên tiếp được PVEL vinh danh "TOP Performance"

8 Giải thưởng "All Quality Matters" của TÜV Rheinland trao tặng



Thương hiệu được sử dụng tại hơn 80.000 dự án tại Việt Nam

INVT là một trong những tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới, hoạt động trong những lĩnh vực như Biến tần - tự động hóa, năng lượng mặt trời, điều khiển thang máy thông minh, hệ thống robot, điều khiển xe điện, tàu điện cao tốc, hệ thống sạc cho xe điện và lưu trữ điện thông minh. Với hơn 12 trung tâm nghiên cứu, 800 kỹ sư R&D, 9 nhà máy sản xuất hiện đại, 820 phát minh và 220 bản quyền phần mềm, INVT đã tạo ra các sản phẩm inverter hòa lưới năng lượng mặt trời cao cấp, có hiệu suất chuyển đổi gần như tuyệt đối lên đến 98,6%.

Những con số ấn tượng về INVT

90 Sản phẩm được sử dụng trên 90 quốc gia

98.6 Hiệu suất chuyển đổi gần như tuyệt đối lên đến 98,62%

100 Tỷ lệ đạt chuẩn nối lưới bán điện cho EVN là 100%



Top 1 toàn cầu nhà cung cấp hệ thống lưu trữ phân khúc dân dụng

Thành lập năm 2009, Pylontech là một trong những nhà sản xuất chuyên sâu về pin Lithium lưu trữ điện (BESS). Pylontech làm chủ công nghệ sản xuất toàn bộ từ Vật liệu, Cell, Module, BMS và tích hợp hệ thống. Sản phẩm của Pylontech đa dạng (12V - 1500V pin lưu trữ điện; 2kWh đến hàng chục MWh), đạt đầy đủ các chứng nhận: UL, TUV, CE... và có khả năng tương thích với phần lớn các hãng inverter. Năm 2022, Pylontech đã vươn lên Top 1 toàn cầu nhà cung cấp hệ thống lưu trữ phân khúc dân dụng (theo S&P Global Commodity Insights).

Những con số ấn tượng về Pylontech

1.000.000+ Hệ thống đã lắp đặt trên toàn cầu (>80 Quốc gia)

15+ Năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất battery

10GWH Năng lực sản xuất

238+ Bằng sáng chế

6.35% Ngân sách đầu tư cho R&D



Top 1 thế giới về Hybrid Inverter phân khúc dân dụng

GoodWe là một trong những nhà sản xuất Inverter điện mặt trời và hệ thống quản lý năng lượng hàng đầu thế giới với nhiều loại sản phẩm và giải pháp phù hợp cho các hệ thống dân dụng, thương mại và công nghiệp.

Những con số ấn tượng về GoodWe

Top 1 Thế giới về Hybrid Inverter phân khúc dân dụng năm 2020 (Wood Mackenzie)

Top 3 Nhà cung cấp Hybrid Inverter toàn cầu năm 2021 (Wood Mackenzie)

5000+ Nhân viên toàn cầu

700+ Đội ngũ R&D

30GW Năng lực sản xuất Inverter điện mặt trời

2.1GWh Năng lực sản xuất pin lưu trữ



Inverter hàng đầu được tín nhiệm bởi các ngân hàng trên thế giới

Công ty Sungrow là thương hiệu sản xuất bộ Inverter năng lượng mặt trời hòa lưới hàng đầu và được tín nhiệm bởi các ngân hàng trên toàn thế giới với hơn 269GW được lắp đặt trên toàn cầu tính đến tháng 6/2022. Được thành lập vào năm 1997 bởi Giáo sư Đại học Cao Renxian, Sungrow là công ty hàng đầu trong nghiên cứu và phát triển bộ Inverter cho Điện năng lượng mặt trời với đội ngũ R&D chuyên nghiệp, danh mục sản phẩm phong phú cung cấp các giải pháp Điện năng lượng mặt trời hòa lưới và hệ thống lưu trữ năng lượng cho các dự án quy mô thương mại, công nghiệp và dân dụng, cũng như các giải pháp nhà máy nổi được quốc tế công nhận. Với thành tích 26 năm phát triển mạnh mẽ trong lĩnh vực Điện năng lượng mặt trời, các sản phẩm của Sungrow được lắp đặt tại hơn 150 quốc gia trên toàn thế giới.

Là công ty dẫn đầu thế giới trong lĩnh vực Điện năng lượng mặt trời, Sungrow sở hữu một đội ngũ R&D năng động bao gồm hơn 3.100 nhân viên. Công ty đã đầu tư trung tâm thử nghiệm nội bộ của riêng mình được phê duyệt bởi UL, CSA, TV Rheinland và TÜV SÜD.

Sungrow có nhà máy biến tần lớn nhất thế giới, với công suất sản xuất hàng năm trên toàn cầu là 145 GW, bao gồm 25 GW bên ngoài Trung Quốc. Với các giải pháp và dịch vụ Sungrow đang cung cấp, Sungrow cam kết mang đến nguồn năng lượng sạch cho tất cả mọi người và kiên định trong nỗ lực trở thành công ty hàng đầu thế giới về công nghệ chuyển đổi năng lượng sạch.

Những con số ấn tượng về Sungrow

269 GW⁺ Đã triển khai trên toàn cầu

150⁺ Quốc gia đã lắp đặt Inverter Sungrow

99%⁺ Hiệu suất Inverter NLMT

15%⁺ Thị phần toàn cầu

No.1⁺ Đội nghiên cứu R&D về Inverter NLMT lớn nhất

26⁺ Năm trong ngành Điện năng lượng mặt trời

INVERTER HÒA LƯỚI 1 PHA XG3-10KW



- Hiệu suất cao hơn
- Đáng tin cậy, an tâm hơn
- Vận hành và bảo trì đơn giản, thông minh

Loại	XG3KTL	XG5KTL-S	XG10KTL
Đầu vào (DC)			
Công suất đầu vào tối đa	4.5kW	7.5kW	15kW
Điện áp đầu vào tối đa	600V	600V	
Điện áp khởi động	50V	50V	80V
Điện áp hoạt động tối ưu	360V	360V	
Dải điện áp MPP đầy tải	290V ~ 480V		
Dải điện áp hoạt động của MPPT	50V ~ 550V	50V ~ 550V	80V ~ 560V
Số lượng MPPTs	1	1	2
Số lượng chuỗi pin trên mỗi MPPT	1/1	1 / 1	
Dòng điện tối đa trên mỗi MPPT	20A	20A	
Dòng điện ngắn mạch tối đa trên mỗi MPPT	26A	26A	
Đầu ra (AC)			
Dòng điện đầu ra tối đa	15A	22.7A	45.5A
Công suất đầu ra danh định	3kW	5kW	10kW
Công suất đầu ra tối đa	3.3kVA	5kVA	10kVA
Tần số lưới danh định	50Hz / 60Hz		
Điện áp lưới danh định	220Vac / 230Vac / 240Vac		
Hệ số công suất	>0.99 (0.8 sớm pha ~ 0.8 trễ pha)		
Sóng hài (THDI)	<3% (tại công suất danh định)		
Hiệu suất			
Hiệu suất tối đa	97.60%	97.80%	98.10%
Hiệu suất chuẩn Châu Âu	97.20%	97.30%	97.30%
Hiệu suất MPPT	99.90%		
Bảo vệ			
Bảo vệ ngược cực DC	Có		
Bảo vệ chống đảo AC	Có		
Bảo vệ ngắn mạch	Có		
Bảo vệ dòng rò	Có		
Giám sát điện trở cách điện	Có		
Giám sát lỗi chạm đất	Có		
Giám sát lưới	Có		
Giám sát dòng điện chuỗi PV	Có		
Bảo vệ chống sét lan truyền	Loại II		
Bộ ngắt mạch lỗi hồ quang (AFCI)	Tùy chọn		
Giao tiếp			
Màn hình	LCD / LED+APP		
Giao tiếp	RS485 / WiFi / 4G		
Tiêu chuẩn tuân thủ			
Chứng nhận	IEC/EN 62109-1/2, IEC/EN 61000-6-1/3, EN50549, IEC61727/IEC62116	IEC/EN 62109-1/2, IEC/EN 61000-6-1/3, EN50549, IEC61727/IEC62116	IEC/EN 62109-1/2, IEC/EN 61000-6-1/3, EN50549, IEC61727/IEC62116, CEI0-21, C10/C11, G98/G99, RD244, UNE217001, UNE217002, TOR Erzeuger, AS4777, ABNT, NB/T 32004
Thông tin chung			
Kích thước (W x H x D)	270 x 250 x 130 mm	270 x 250 x 130mm	380 x 380 x 160mm
Trọng lượng	6kg	6kg	13kg
Nhiệt độ hoạt động	-30°C ~ +60°C		
Phương pháp tản nhiệt	Tự nhiên	Tự nhiên	Làm mát thông minh
Cấp bảo vệ	IP66		
Độ cao hoạt động tối đa	4000m		
Phạm vi độ ẩm tương đối cho phép	0 ~ 100%		
Phương pháp cách ly	Không biến áp		
Mức tiêu thụ điện năng ban đêm	<1W		

- a: For AS4777, Rated Output Power of XG5KTL is 4999W.
- b: For VDE-AR-N 4105, Max. Output Power of XG4K6TL is 4600VA.
- c: For AS4777, Max. Output Power of XG5KTL is 4999VA.

INVERTER HÒA LƯỚI 3 PHA XG10K-15K



invtt



Hiệu suất cao hơn



Đáng tin cậy, an tâm hơn



Vận hành và bảo trì đơn giản, thông minh

Loại	XG10KTR-S	XG15KTR1-S
Đầu vào (DC)		
Công suất đầu vào tối đa	16kW	24kW
Điện áp đầu vào tối đa		1100V
Điện áp khởi động		160V
Điện áp hoạt động tối ưu		600V
Dải điện áp MPP đầy tải	360V ~ 850V	450V ~ 850V
Dải điện áp hoạt động của MPPT		180V ~ 1000V
Số lượng MPPT / Chuỗi pin trên mỗi MPPT		2 / 1
Dòng điện tối đa trên mỗi MPPT		18A
Dòng điện ngắn mạch tối đa trên mỗi MPPT		25A
Đầu ra (AC)		
Dòng điện đầu ra tối đa	15.9A	23.9A
Công suất đầu ra danh định	10kW	15kW
Công suất đầu ra tối đa	11kVA	16.5kVA
Tần số lưới danh định		50Hz / 60Hz
Điện áp lưới danh định		230Vac / 400Vac, 3L / N / PE
Hệ số công suất		>0.99 (0.8 sớm pha ~ 0.8 trễ pha)
Sóng hài (THDi)		<3% (tại công suất danh định)
Hiệu suất		
Hiệu suất tối đa		98.70%
Hiệu suất chuẩn Châu Âu		98.50%
Hiệu suất MPPT		99.90%
Bảo vệ		
Bảo vệ ngược cực DC		Có
Bảo vệ chống đảo		Có
Bảo vệ ngắn mạch AC		Có
Bảo vệ dòng rò		Có
Giám sát điện trở cách điện		Có
Giám sát lỗi chạm đất		Có
Giám sát lưới		Có
Bảo vệ chống sét lan truyền		Loại II
Bộ ngắt mạch lỗi hồ quang (AFCI)		Tùy chọn
Giao tiếp		
Màn hình		LCD / LED+APP
Giao tiếp		Tiêu chuẩn: RS485. Tùy chọn: WiFi / GPRS / Ethernet
Tiêu chuẩn tuân thủ		
Chứng nhận	IEC/EN 62109-1/2, IEC/EN 61000-6-1/3, IEC61683, IEC60068, IEC61727/IEC62116, EN50549, CEI0-21, C10/C11, VDE 4105, VDE 0124, G98/G99, RD244, UNE217001, UNE217002, NC RfG, TOR Erzeuger, AS4777, ABNT, NB/T 32004	
Thông tin chung		
Kích thước (W x H x D)	481 x 395 x 195mm	
Trọng lượng	13.5kg	
Nhiệt độ hoạt động	-30°C ~ +60°C	
Phương pháp tản nhiệt	Tự nhiên	Làm mát thông minh
Cấp bảo vệ	IP66	
Độ cao hoạt động tối đa	4000m	
Phạm vi độ ẩm tương đối cho phép	0 ~ 100%	
Phương pháp cách ly	Không biến áp	
Mức tiêu thụ điện năng ban đêm	<1W	

INVERTER HÒA LƯỚI 3 PHA XG17-40KW



invt



Hiệu suất cao hơn



Đáng tin cậy, an tâm hơn



Vận hành và bảo trì đơn giản, thông minh

Loại	XG20KTR	XG25KTR	XG30KTR	XG40KTR
Đầu vào (DC)				
Công suất đầu vào tối đa	32kW	40kW	48kW	64kW
Điện áp đầu vào tối đa	1100V			
Điện áp khởi động	250V			
Điện áp hoạt động tối ưu	600V			
Dải điện áp MPP đầy tải	480V ~ 800V	560V ~ 800V	500V ~ 800V	
Dải điện áp hoạt động của MPPT	200V ~ 1000V			
Số lượng MPPT	2		3	4
Số lượng chuỗi pin trên mỗi MPPT	2 / 2	2 / 3		2
Dòng điện tối đa trên mỗi MPPT	32A	32A / 48A		26A
Dòng điện ngắn mạch tối đa trên mỗi MPPT	40A	40A / 60A		32A
Đầu ra (AC)				
Dòng điện đầu ra danh định	32.1A	39.8A	48.3A	64.3A
Công suất đầu ra danh định	20kW	25kW	30kW	40kW
Công suất đầu ra tối đa	22.2kVA	27.5kVA	33.3kVA	44kVA
Tần số lưới danh định	50Hz / 60Hz			
Điện áp lưới danh định	230Vac / 400Vac, 3L / N / PE			
Hệ số công suất	>0.99 (0.8 sớm pha ~ 0.8 trễ pha)			
Sóng hài (THDi)	<3% (tại công suất danh định)			
Hiệu suất				
Hiệu suất tối đa	98.40%		98.60%	
Hiệu suất chuẩn Châu Âu	98.00%		98.50%	
Hiệu suất MPPT	99.90%			
Bảo vệ				
Bảo vệ ngược cực DC	Có			
Bảo vệ chống đảo	Có			
Bảo vệ ngắn mạch AC	Có			
Bảo vệ dòng rò	Có			
Giám sát điện trở cách điện	Có			
Giám sát lỗi chạm đất	Có			
Giám sát lưới	Có			
Giám sát dòng điện chuỗi PV	Có			
Bảo vệ chống sét lan truyền	Loại II			
Bộ ngắt mạch lỗi hồ quang (AFCI)	Tùy chọn			
Giao tiếp				
Màn hình	LCD / LED+APP			
Giao tiếp	Tiêu chuẩn: RS485. Tùy chọn: WiFi / GPRS / Ethernet			
Tiêu chuẩn tuân thủ				
Các chứng chỉ	IEC/EN 62109-1/2, IEC/EN 61000-6-1/3, IEC60068, IEC61683, EN 50549, IEC61727/IEC62116, CEI 0-21, C10/C11, VDE 4105, VDE 0124, RD244, UNE217001, UNE217002, NC RfG, AS4777, NB/T 32004		IEC/EN 62109-1/2, IEC/EN 61000-6-1/3, EN50549, IEC61727/IEC62116, CEI 0-21,C10/C11, VDE 4105, VDE 0124, RD244, UNE217001, UNE217002, NC RfG, TOR Erzeuger, AS4777, NRS097-2-1, NB/T 32004	
Thông tin chung				
Kích thước (W x H x D)	534 x 440 x 220mm		600 x 430 x 230mm	
Trọng lượng	24kg		30kg	32kg
Nhiệt độ hoạt động	-30°C ~ +60°C			
Phương pháp tản nhiệt	Làm mát thông minh			
Cấp bảo vệ	IP66			
Độ cao hoạt động tối đa	4000m			
Phạm vi độ ẩm tương đối cho phép	0 ~ 100%			
Phương pháp cách ly	Không biến áp			
Mức tiêu thụ điện năng ban đêm	<1W			

INVERTER HÒA LƯỚI 3 PHA XG50-110KW



invt



Hiệu suất cao hơn



Đáng tin cậy, an tâm hơn



Vận hành và bảo trì đơn giản, thông minh

Loại	XG50KTR	XG60KTR	XG110KTR-F
Đầu vào (DC)			
Công suất đầu vào tối đa	80kW	96kW	150kW
Điện áp đầu vào tối đa		1100V	
Điện áp khởi động		250V	
Điện áp hoạt động tối ưu		600V	620V
Dải điện áp MPP đầy tải		520V ~ 850V	530V ~ 850V
Dải điện áp hoạt động của MPPT		200V ~ 1000V	180V ~ 1000V
Số lượng MPPT		4	10
Số lượng chuỗi pin trên mỗi MPPT	3 / 2 / 3 / 2	3 / 3 / 3 / 3	2
Dòng điện tối đa trên mỗi MPPT	39A / 26A / 39A / 26A	39A	30A
Dòng điện ngắn mạch tối đa trên mỗi MPPT	48A / 32A / 48A / 32A	48A	40A
Đầu ra (AC)			
Dòng điện đầu ra tối đa	79.7A	95.6A	174.6A
Công suất đầu ra danh định	50kW	60kW	110kW
Công suất đầu ra tối đa	55kVA	66kVA	121kVA
Tần số lưới danh định		50Hz / 60Hz	
Điện áp lưới danh định	230Vac / 400Va	230Vac / 400Va	230Vac / 400Vac, 3L / N / PE, 3L / PE
Hệ số công suất		>0.99 (0.8 sớm pha ~ 0.8 trễ pha)	
Sóng hài (THDI)		<3% (tại công suất danh định)	
Hiệu suất			
Hiệu suất tối đa	98.70%	98.80%	98.70%
Hiệu suất chuẩn Châu Âu		98.40%	98.50%
Hiệu suất MPPT		99.90%	
Bảo vệ			
Bảo vệ ngược cực DC		Có	
Bảo vệ chống đảo		Có	
Bảo vệ ngắn mạch AC		Có	
Bảo vệ dòng rò		Có	
Giám sát điện trở cách điện		Có	
Giám sát lỗi chạm đất		Có	
Giám sát lưới		Có	
Giám sát dòng điện chuỗi PV		Có	
Bảo vệ chống sét lan truyền		Loại II	
Bộ ngắt mạch lỗi hồ quang (AFCI)		Tùy chọn	
Giao tiếp			
Màn hình		LCD / LED+APP	
Giao tiếp		Tiêu chuẩn: RS485 Tùy chọn: WiFi / GPRS / Ethernet	Tiêu chuẩn: RS485 Tùy chọn: WiFi / DRM / Bluetooth
Tiêu chuẩn tuân thủ			
Các chứng chỉ	IEC/EN 62109-1/2, IEC/EN 61000-6-1/3, EN50549, IEC61727/IEC62116, CEI 0-21, CEI 0-16, C10/C11, VDE 4105, VDE 0124, G99, RD244, UNE217001, UNE217002, NC RfG, NRS097-2-1, NB/T 32004		IEC/EN 62109-1/2, IEC/EN 61000-6-1/3, IEC/EN 61000-6-2/4, EN50549, IEC61727/IEC62116, CEI 0-21/CEI 0-16, C10/C11, VDE 4105, VDE 0124, G99, RD244, UNE217001, UNE217002, NC RfG, TOR Erzeuger, NRS097-2-1, NB/T 32004
Thông tin chung			
Kích thước (W x H x D)	650 x 450 x 260mm		1050 x 660 x 330mm
Trọng lượng	50kg		98kg
Nhiệt độ hoạt động	-30°C ~ +60°C		
Phương pháp tản nhiệt	Tản nhiệt gió thông minh		
Cấp bảo vệ	IP66		
Độ cao hoạt động tối đa	4000m		
Phạm vi độ ẩm tương đối cho phép	0 ~ 100%		
Phương pháp cách ly	Không biến áp		
Mức tiêu thụ điện năng ban đêm	<1W		

STICK LOGGER

GPRS / WiFi / Ethernet



Cắm và hoạt động
Không cần nguồn điện bổ sung



Thiết kế chống thấm nước
Chịu được thời tiết xấu



Mô-đun độc lập
Bảo vệ các bộ phận bên trong của biển tần



Thiết kế bên ngoài
Đèn báo bên ngoài, đảm bảo ghi nhận trạng thái nhanh chóng, dễ dàng thay thế thiết bị có lỗi

Loại	LSW-5
Giao diện truyền thông từ xa	2.4G WiFi
GNSS	—
Ăng-ten	Ăng-ten bên trong
Giao diện dữ liệu	RS485 / RS232 / TTL
Điện áp hoạt động	DC 5-12V
Công suất hoạt động	1.5W
SIM Card	—
Bộ nhớ	8M Flash
Nhiệt độ hoạt động	-40°C ~ +85°C
Độ ẩm hoạt động	<90% (không ngưng tụ)
Số kết nối	One
Tốc độ truyền thông nối tiếp	9600bps (có thể cấu hình 1200 - 115200bps)
Khoảng thời gian thu thập dữ liệu	Mặc định: 5 phút (có thể cấu hình 1 - 15 phút)
Cấu hình người dùng	BT / APP / Web
Nâng cấp chương trình cơ sở	BT / Remote / Web
Kiểm soát thời gian thực	✓
Dữ liệu liên tục	✓
Nhắc nhở tắt nguồn	✓

DIN-RAIL LOGGER

GPRS / WiFi / Ethernet



Giá đỡ DIN-Rail tiêu chuẩn
Thích hợp cho giá đỡ DIN-Rail 35mm



Dữ liệu liên tục
Đảm bảo toàn vẹn dữ liệu



Nâng cấp từ xa
Nâng cấp từ xa và sửa lỗi hệ thống, dễ dàng cho vận hành và bảo trì







Thông báo cảnh báo
Cảnh báo theo thời gian thực với thông báo kịp thời, đảm bảo khắc phục sự cố nhanh chóng

Loại	LDW-1
Giao diện truyền thông từ xa	WiFi
Tần số hoạt động	2.142GHz ~ 2.484GHz
Số kết nối	1 - 10
Ethernet	10 / 100M (mạng thích ứng)
Điện áp hoạt động	DC 4.7 - 15V
Công suất hoạt động	1W
Truyền thông cục bộ	RS485 / RS422 / RS232
Tốc độ truyền thông nối tiếp	Có thể cấu hình 1200 - 115200bps
Khoảng thời gian tải lên dữ liệu	Mặc định: 5 phút (có thể cấu hình 1 - 15 phút)
Bộ nhớ	2M Flash (512K-16M Tùy chọn)
Cấu hình người dùng	Bộ lệnh AT+ Máy chủ từ xa
SIM Card	—
Ăng-ten	GPRS Small Antenna (Ăng-ten hút tùy chọn)
Nhiệt độ hoạt động	-40°C ~ + 85°C
Độ ẩm hoạt động	< 90% (không ngưng tụ)
Kích thước (W x H x D)	76 x 91 x18mm
Phương pháp lắp đặt	35mm DIN-Rail

INVERTER HÒA LƯỚI 3 PHA SUNGROW 33 - 50kW

SUNGROW



-  An toàn và đáng tin cậy
-  Tối ưu sản lượng
-  Thân thiện với người dùng
-  Quản lý thông minh

Loại	SG33CX-P2	SG40CX-P2	SG50CX-P2
Đầu vào (DC)			
Công suất đầu vào tối đa tấm pin được đề xuất	46.2 kWp	56 kWp	70 kWp
Điện áp đầu vào tối đa tấm pin*		1100 V	
Điện áp đầu vào tối thiểu tấm pin/ Điện áp đầu vào khởi động		160 V / 200 V	
Điện áp đầu vào tấm pin danh định		600 V	
Dải điện áp hoạt động MPPT **		160 V - 1000 V	
Số lượng đầu vào MPP độc lập	3		4
Số chuỗi Pin trên mỗi MPPT		2	
Dòng điện đầu vào tối đa tấm Pin	90 A (30 A * 3)		120 A (30 A * 4)
Dòng điện ngắn mạch DC tối đa	120 A (40 A * 3)		160 A (40 A * 4)
Dòng điện tối đa cho đầu nối DC		30 A	
Đầu ra (AC)			
Công suất đầu ra AC danh định	33 kW	40 kW	50 kW
Công suất biểu kiến đầu ra AC tối đa	36.3 kVA	44 kVA	55 kVA
Dòng điện đầu ra AC tối đa	55.2 A	66.9 A	83.6 A
Dòng điện đầu ra AC danh định (tại 230V)	47.8 A	58 A	72.5 A
Điện áp AC danh định		3 / N / PE, 220 / 380 V, 230 / 400 V	
Dải điện áp AC		312 V - 480 V	
Tần số lưới danh định		50 Hz / 60 Hz	
Dải tần số lưới		45 Hz - 55 Hz / 55 Hz - 65 Hz	
THD		< 3 % (tại Công suất danh định)	
Hệ số Công suất tại Công suất danh định / Điều chỉnh hệ số công suất		> 0.99 / 0.8 sớm pha - 0.8 trễ pha	
Số pha đầu vào / Số pha kết nối		3 / 3-N-PE	
Hiệu suất			
Hiệu suất tối đa / Hiệu suất chuẩn châu Âu		98.5% / 98.3%	
Thiết bị bảo vệ			
Giám sát lưới		Có	
Bảo vệ kết nối ngược cực DC		Có	
Bảo vệ ngắn mạch AC		Có	
Bảo vệ dòng rò		Có	
Bảo vệ quá áp		DC Loại I+II / AC Loại II	
Giám sát lỗi nối đất		Có	
Công tắc DC		Có	
Giám sát dòng của chuỗi tấm pin		Có	
Hệ thống ngắt mạch bảo vệ hồ quang (AFCI)		Có	
Chức năng phục hồi tổn hao do PID		Có	
Khả năng tương thích Optimizer***		Tùy chọn	
Thông tin tổng quát			
Kích thước (W*H*D)		645 mm*575 mm*245 mm	
Khối lượng	38 kg	40 kg	41 kg
Phương pháp lắp đặt		Giá đỡ treo tường	
Phương pháp cách ly		Không biến áp	
Cấp độ bảo vệ		IP66	
Bảo vệ chống ăn mòn		C5	
Công suất tiêu thụ (buổi tối)		< 5 W	
Khoảng nhiệt độ hoạt động		-30 đến 60°C	
Phạm vi độ ẩm tương đối cho phép (không ngưng tụ)		0 - 100 %	
Phương pháp tản nhiệt		Tản nhiệt gió thông minh	
Độ cao hoạt động tối đa		4000 m	
Hiển thị		LED, Bluetooth+APP	
Giao tiếp		RS485 / Tùy chọn: WLAN, Ethernet	
Kiểu kết nối DC		Evo2 (Tối đa 6 mm ²)	
Kiểu kết nối AC		OT terminal (16 mm ² - 35 mm ²)	OT or DT terminal (35-50 mm ²)
Chứng chỉ		IEC 62109, IEC 61727, IEC 62116, VDE-AR-N 4105:2018, IEC 61000-6-3, EN 50549- 1, CEI 0-21 2019, CEI0-16 2019, VDE 0126-1-1/ A1 VFR 2019, UTE C15-712-1:2013, UNE206007-1/RD 1699, UNE 217002, G99, IEC 63027	
Hỗ trợ lưới		Hỗ trợ phát công suất phản kháng vào ban đêm, giữ kết nối lưới khi sụt áp và tăng áp, điều khiển công suất P và Q, điều khiển độ thay đổi công suất	

*Điện áp đầu vào vượt quá dải điện áp hoạt động MPPT sẽ kích hoạt bảo vệ biến tần

** Vui lòng tham khảo hướng dẫn sử dụng để biết dải điện áp MPPT đầy tải

*** Để tương thích với trình tối ưu hóa, vui lòng liên hệ trao đổi với Sungrow trước khi đặt hàng

INVERTER HÒA LƯỚI 3 PHA SUNGROW 125kW

SUNGROW



An toàn và đáng tin cậy



Tối ưu sản lượng



Thân thiện với người dùng



Quản lý thông minh



Loại	SG125CX-P2
Đầu vào (DC)	
Công suất DC ngõ vào tối đa (khuyến nghị)	175 kW
Điện áp đầu vào tối đa tấm pin	1100 V
Điện áp DC tối thiểu / Điện áp khởi động	180 V / 200 V
Điện áp ngõ vào định mức	600 V
Dải điện áp MPP	180 – 1000 V
Số lượng đầu vào MPP độc lập	12
Tối đa số chuỗi pin trên mỗi MPPT	2
Dòng điện đầu vào tối đa tấm pin	360 A (30 A * 12)
Dòng ngắn mạch DC tối đa	480 A (40 A * 12)
Dòng điện ngõ vào DC tối đa	30A
Đầu ra (AC)	
Công suất đầu ra AC tối đa	125 kVA
Công suất AC định mức	125 kW
Dòng điện đầu ra AC tối đa	181.1 A
Dòng điện đầu ra AC định mức (230V)	181.1 A
Điện áp AC định mức	3 / N / PE, 230 / 400 V
Dải điện áp AC	320 – 480V
Tần số lưới định mức	50 Hz / 60 Hz
Dải tần số hoạt động	45 – 55 Hz / 55 – 65 Hz
THD	< 3 % (tại công suất định mức)
Hệ số công suất tại công suất định mức / Điều chỉnh hệ số công suất	> 0.99 / 0.8 sớm pha – 0.8 trễ pha
Số pha đầu vào / Số pha kết nối	3 / 3-N-PE
Hiệu suất	
Hiệu suất tối đa / Hiệu suất chuẩn châu Âu	98.5% / 98.3%
Thiết bị bảo vệ	
Giám sát lưới	Có
Bảo vệ kết nối ngược cực DC	Có
Bảo vệ ngắn mạch AC	Có
Bảo vệ dòng rò	Có
Bảo vệ chống sét lan truyền	DC loại I+II / AC loại II
Giám sát lỗi chạm đất	Có
Công tắc DC	Có
Giám sát dòng của chuỗi tấm pin	Có
Phát công suất phản kháng vào ban đêm	Có
Hệ thống ngắt mạch bảo vệ hồ quang DC (AFCI)	Có
Chức năng phục hồi tổn hao do PID	Có
Thông tin chung	
Kích thước (W*H*D)	1020*795*360mm
Phương pháp lắp đặt	Giá đỡ treo tường
Khối lượng	89,5 kg
Phương pháp cách ly	Không biến áp
Cấp độ bảo vệ	IP66
Chống ăn mòn	C5
Công suất tiêu thụ (buổi tối)	< 5 W
Khoảng nhiệt độ hoạt động	-30 đến 60°C
Phạm vi độ ẩm tương đối cho phép (không đọng sương)	0 – 100 %
Phương pháp tản nhiệt	Tản nhiệt gió thông minh
Độ cao hoạt động tối đa	4000 m
Hiển thị	LED, Bluetooth+APP
Giao tiếp	RS485 / Tùy chọn: WLAN, Ethernet
Kiểu kết nối DC	Evo2 (Tối đa. 6 mm ²)
Kiểu kết nối AC	OT / DT terminal (Tối đa. 240 mm ²)
Chứng chỉ	IEC 62109-1, EN/IEC 61000-6-1/2/3/4, IEC 61727, IEC 62116, EN 50549-1/2, UTE C15-712-1, VDE V 0126-1-1, VDE-AR-N 4105:2018, VFR 2019, NC RfG, G99, UNE 217002, NTS, CEI 0-21 2019, CEI0-16 2019, NRS-097-2
Hỗ trợ lưới	Phát công suất phản kháng vào ban đêm, giữ kết nối, lưới khi sụt áp và tăng áp, điều khiển công suất P và Q, điều khiển độ thay đổi công suất.

ĐỒNG HỒ ĐO NĂNG LƯỢNG THÔNG MINH 1 PHA - 3 PHA



HỆ THỐNG GIÁM SÁT WiNet-S



Loại	DTSU666	S100	DTSD1352-C/1 (6A)
Thông số điện năng			
Điện áp danh định	230 Vac / 400 Vac	240Vac	230 Vac / 400 Vac
Dải điện áp đầu vào	57.7 / 100 Vac - 265 / 460 Vac	180 Vac - 286Vac	57.7 / 100 Vac - 268 / 464 Vac
Điện năng tiêu thụ	< 1.5W (6 VA)	<2W (10 VA)	
Dòng điện hoạt động tối đa	80 A	100A	3×1 (6) A (via CTs)
Tần số lưới	50 / 60 Hz	50 Hz	50 Hz / 60 Hz
Độ chính xác đo lường	Class 1		Class 0.5 (Active)
Giao diện và truyền thông	RS485		
Điều kiện môi trường			
Cấp bảo vệ chống xâm nhập	IP20		
Nhiệt độ hoạt động	-30 °C - +60 °C	-25 °C - +75 °C	-25 °C - +55 °C
Độ ẩm không khí tương đối	75 %	0 – 95 %	
Thông tin chung			
Kích thước (W * H * D)	72 * 65* 100 mm	18 * 117 * 65 mm	126 * 91 * 74 mm
Trọng lượng	0.4 kg	0.2 kg	0.35 kg
Cách lắp đặt	35 mm DIN-rail		

Loại	WiNet-S
Thông số điện năng	
Số lượng thiết bị tối đa	1
Hiển thị LED	LED * 3
Phương thức truyền thông	
Cổng truyền thông Internet	Channel * 1, 10/100Mbps self-adaption, Communcation distance ≤100m
Cổng truyền thông WLAN	802.11 b/g IEEE802.11n HT20@2.4GHz IEEE802.11n HT40@2.4GHz 2.4 GHz
Nguồn cấp	
Đầu vào (DC)	5 VDC, 2.1 A
Mức tiêu thụ điện năng	≤5 W
Điều kiện môi trường	
Nhiệt độ hoạt động	-30 °C - +60 °C
Độ ẩm không khí tương đối	≤ 95% (không đọng sương)
Cấp bảo vệ chống xâm nhập	IP66
Độ cao	≤4000 m
Thông tin chung	
Kích thước (W * H * D)	48 mm * 132 mm * 36 mm
Kiểu kết nối	Loại gắn / cắm

**THIẾT BỊ GIÁM SÁT
COM100**

-  Kết nối linh hoạt
-  Vận hành và bảo trì dễ dàng



Loại	COM100
Giao tiếp	
Số lượng thiết bị tối đa	30
Giao diện RS485	3
Ethernet	1*RJ45, 10/100 Mbps
Digital input	5, Max. 24 Vdc
Analog input	4, support 4 mA ~ 20 mA or 0 Vdc ~10 Vdc
Giao tiếp Wireless	
Giao tiếp WLAN	802.11 b/g/n/ac HT20/40/80 MHz 2.4 GHz/5 GHz
Nguồn cấp	
Đầu vào AC	100 Vac ~ 300 Vac, 50 Hz / 60 Hz
Điện năng tiêu thụ	Typ. 20 W, Max. 30 W
Đèn Night light cho bảo trì	<1 W
Điều kiện môi trường xung quanh	
Nhiệt độ hoạt động	-30 °C ~ 60 °C
Nhiệt độ bảo quản	-40 °C ~ 70 °C
Độ ẩm không khí tương đối	≤ 95 % (Không ngưng tụ)
Độ cao	≤ 4000 m
Cấp bảo vệ	IP66
Thông tin chung	
Kích thước (W*H*D)	460 mm * 315 mm * 126 mm
Trọng lượng	6 kg
Kiểu lắp đặt	Treo tường, gắn khung, gắn cột, ngoài trời và trong nhà
Chất liệu vỏ	PC
Thông số cáp	Cáp AC: cáp chống tia UV ngoài trời 1 – 1.5 mm ² , đường kính ngoài 13-18 mm Cáp RS485: cáp xoắn đôi (STP) được che chắn chống tia cực tím ngoài trời 0.75 – 1.5 mm ² , đường kính ngoài 6-18 mm Ethernet: cáp CAT5, chống tia UV ngoài trời, đường kính ngoài 6-18mm AI, DI: Cáp chống tia UV ngoài trời 0.75 mm ² , đường kính ngoài 4.5-6mm
Thông tin đặt hàng	
COM100E	COM100E bao gồm Logger1000B, bộ chuyển đổi AC, SPD, công tắc không khí, đèn Night light hỗ trợ Ethernet, WLAN. Áp dụng cho toàn cầu.


* Mô- đun host EyeW485 cần được sử dụng cùng với EyeW485 để nhận dạng mạng wireless 485 tự động trong khu vực.


HYBRID INVERTER 1 PHA


GOODWE ES G2 5-6KW


GOODWE



 Giám sát và kiểm soát thông minh

 An toàn và đáng tin cậy

 Thiết kế thân thiện và tỉ mỉ

 Linh hoạt và dễ ứng dụng

Loại	GW5000-ES-20	GW6000-ES-20
Đầu vào pin		
Loại pin	Li-Ion	Li-Ion / Lead-acid
Điện áp pin danh định (V)	48	
Dải điện áp pin (V)	40 ~ 60	
Dòng sạc liên tục tối đa (A) / Dòng xả liên tục tối đa (A)	120 / 120	120 / 120
Công suất sạc tối đa (W) / Công suất xả tối đa (W)	5000 / 5300	6000 / 6300
Đầu vào chuỗi PV		
Công suất đầu vào tối đa (W)	7500	9000
Điện áp đầu vào tối đa (V)	600	
Dải điện áp MPPT hoạt động (V)	60 ~ 550	
Điện áp khởi động (V) / Điện áp đầu vào danh định (V)	58 / 360	
Dòng đầu vào tối đa mỗi MPPT (A)	16	
Dòng ngắn mạch tối đa mỗi MPPT (A)	23	
Số MPPT	2	2
Số chuỗi mỗi MPPT	1	
Đầu ra AC (Hòa lưới)		
Công suất biểu kiến đầu ra danh định đến lưới (VA)	5000	6000
Công suất biểu kiến tối đa phát lên lưới (VA)	5000	6000
Công suất biểu kiến tối đa từ lưới (VA)	10000	10000
Điện áp đầu ra danh định (V)	220 / 230 / 240	
Tần số lưới AC danh định (Hz)	50/60	
Dòng điện AC tối đa đến lưới (A)	22.7	27.3
Dòng điện AC tối đa từ lưới (A)	43.5	43.5
Hệ số công suất đầu ra	~1 (Có thể điều chỉnh từ -0.8 đến 0.8)	~1 (Có thể điều chỉnh từ -0.8 đến 0.8)
Tổng độ méo sóng hài tối đa	<3%	<3%
Đầu ra AC (Dự phòng)		
Công suất biểu kiến danh định đầu dự phòng (VA)	5000	6000
Công suất biểu kiến đầu ra tối đa (VA)	5000 (10000@10giây)	6000 (10000@10giây)
Dòng điện đầu ra tối đa (A)	22.7	27.3
Điện áp đầu ra danh định (V)	220 / 230 / 240	
Tần số đầu ra danh định (Hz)	50/60	
Tổng độ méo sóng hài đầu ra (@Tải tuyến tính)	<3%	
Hiệu suất		
Hiệu suất tối đa/ Hiệu suất Châu Âu	97.6% / 96.7%	
Hiệu suất tối đa từ pin đến AC/ Hiệu suất MPPT	95.5% / 99.9%	
Bảo vệ		
Giám sát dòng điện chuỗi PV/ Phát hiện điện trở cách	Tích hợp	
Bộ giám sát dòng dư	Tích hợp	
Bảo vệ phân cực ngược PV/ Bảo vệ chống đảo	Tích hợp	
Bảo vệ quá dòng AC/ Bảo vệ đoạn mạch AC	Tích hợp	
Bảo vệ quá áp AC / Công tắc DC	Tích hợp	
Bảo vệ chống sét lan truyền DC	Loại II	
Bảo vệ chống sét lan truyền AC	Loại III	
Bộ ngắt mạch lỗi hồ quang	Tùy chọn	
Tắt máy từ xa	Tích hợp	
Dữ liệu chung		
Dải nhiệt độ hoạt động (°C)	-25 ~ +60	
Độ ẩm tương đối	0 ~ 95%	
Độ cao tối đa (m)	3000 (>2000 Derating)	
Phương pháp làm mát	Đổi lưu tự nhiên	
Giao diện	LED, WLAN + APP	
Giao tiếp với BMS	CAN	
Giao tiếp với công tơ	RS485	
Giao tiếp với cổng thông tin	WiFi / WiFi + LAN / 4G	
Trọng lượng (kg)	21.5	21.5
Kích thước (W x H x D mm)	505.9 x 434.9 x 154.8	
Cấu trúc liên kết	Không cách ly	
Tự tiêu thụ ban đêm (W)	<10	
Cấp bảo vệ	IP65	
Phương thức lắp đặt	Treo tường	

HYBRID INVERTER 1 PHA

ES Uniq Series

GOODWE



Giám sát và kiểm soát thông minh

An toàn và đáng tin cậy

Tối ưu sản lượng

Linh hoạt và dễ ứng dụng

Loại	GW8000-ES-C10	GW10K-ES-C10	GW12K-ES-C10
Đầu vào pin			
Loại pin		Li-Ion	
Điện áp danh định (V)		48	
Dài điện áp pin (V)		40 ~ 60	
Dòng sạc liên tục tối đa (A)	160	200	240
Dòng xả liên tục tối đa (A)*1	160 (176 at 10min)	200 (220 at 10min)	240 (264 at 10min)
Công suất sạc tối đa (W)	8000	10000	12000
Công suất xả tối đa (W)	8800	11000	13200
Đầu vào chuỗi PV			
Công suất đầu vào tối đa (W)	16000	20000	24000
Điện áp đầu vào tối đa (V)		600	
Dài điện áp MPPT hoạt động (V)		60 ~ 550	
Điện áp khởi động (V)		58	
Điện áp đầu vào danh định (V)		360	
Dòng đầu vào tối đa mỗi MPPT (A)*2	32 / 16	32 / 32	32 / 32
Dòng ngắn mạch tối đa mỗi MPPT (A)	48 / 24	48 / 48	48 / 48
Số MPPT		2	
Số chuỗi mỗi MPPT	2 / 1	2 / 2	2 / 2
Đầu ra AC (Hòa lưới)			
Công suất biểu kiến đầu ra danh định đến lưới (VA)	8000	10000	12000
Công suất biểu kiến đầu ra tối đa đến lưới (VA)	8800	11000	13200
Công suất biểu kiến tối đa từ lưới (VA)		16500	
Điện áp đầu ra danh định (V)		220 / 230 / 240	
Dài điện áp đầu ra (V)		170 ~ 280	
Tần số lưới AC danh định (Hz)		50 / 60	
Dài tần số lưới AC (Hz)		45 ~ 55 / 55 ~ 65	
Dòng đầu ra AC tối đa đến lưới (A)	40	50	60
Dòng đầu ra AC tối đa từ lưới (A)		75	
Hệ số công suất		~1 (Có thể điều chỉnh từ -0,8 đến 0,8)	
Tổng độ méo sóng hài tối đa		<3%	
Đầu ra AC (Dự phòng)			
Công suất biểu kiến danh định đầu dự phòng (VA)	8000	10000	12000
Công suất biểu kiến đầu ra tối đa (VA)	8800 (16000 at 10s)	11000 (20000 at 10s)	13200 (24000 at 10s)
Dòng điện đầu ra tối đa (A)	40	50	60
Điện áp đầu ra danh định (V)		220 / 230 / 240	
Tần số đầu ra danh định (Hz)		50 / 60	
Tổng độ méo sóng hài đầu ra (@Linear Load)		<3%	
Dữ liệu AC (Máy phát điện)			
Công suất biểu kiến từ máy phát điện xoay chiều (VA)	8000	10000	12000
Công suất biểu kiến tối đa từ máy phát điện xoay chiều (VA)	11000	12000	12000
Điện áp đầu ra danh định (V)		220 / 230 / 240	
Dài điện áp đầu ra (V)		170 ~ 280	
Tần số đầu ra danh định máy phát điện xoay chiều (Hz)		50 / 60	
Dài tần số máy phát điện xoay chiều (Hz)		45 ~ 55 / 55 ~ 65	
Dòng đầu ra AC tối đa từ máy phát điện xoay chiều (A)	50.0	54.5	54.5
Dòng điện danh định từ máy phát điện xoay chiều (A)	36.4 / 34.8 / 33.3	45.5 / 43.5 / 41.7	54.5 / 52.2 / 50.0
Dòng điện đầu ra danh định (A)	36.4 / 34.8 / 33.3	45.5 / 43.5 / 41.7	54.5 / 52.2 / 50.0
Hiệu suất			
Hiệu suất tối đa/ Hiệu suất Châu Âu		97.6% / 96.2%	
Hiệu suất tối đa từ pin đến AC/ Hiệu suất MPPT		95.5% / 99.9%	
Bảo vệ			
Giám sát dòng điện chuỗi PV		Tích hợp	
Phát hiện điện trở cách điện PV		Tích hợp	
Bộ giám sát dòng dư		Tích hợp	
Bảo vệ phân cực ngược PV		Tích hợp	
Bảo vệ chống đảo		Tích hợp	
Bảo vệ quá dòng AC		Tích hợp	
Bảo vệ ngắn mạch AC		Tích hợp	
Bảo vệ quá áp AC		Tích hợp	
DC Switch		Tích hợp	
Bảo vệ chống sét lan truyền đầu DC		Loại III	
Bảo vệ chống sét lan truyền đầu AC		Loại III	
AFCI		Tùy chọn	
Tắt máy từ xa		Tích hợp	
Thông số chung			
Dài nhiệt độ hoạt động (°C)		-35 ~ +60	
Độ ẩm tương đối		0 ~ 95%	
Độ cao tối đa (m)		3000	
Phương pháp làm mát		Quạt làm mát thông minh	
Giao diện		LED, WLAN + APP	
Giao tiếp với BMS		CAN	
Giao tiếp với đồng hồ đo		RS485	
Giao tiếp với cổng thông tin		LAN / WiFi	
Trọng lượng (kg)		29	
Kích thước (W x H x D mm)		560 x 444.5 x 226	
Cấu trúc liên kết		Không cách ly	
Cấp bảo vệ		IP65	
Phương thức lắp đặt		Treo tường	

*1: : Dòng điện thực tế tối đa dựa trên trường hợp không nối lưới.

*2: Đối với MPPT có hai chuỗi mô-đun PV, dòng điện đầu vào tối đa của mỗi chuỗi là 16A.

*: Truy cập website GoodWe để tham khảo chứng chỉ mới nhất.


*: Tất cả các hình ảnh hiển thị là chỉ để tham khảo. Hình ảnh thực tế có thể khác.


HYBRID INVERTER 3 PHA


GOODWE ET PLUS+ 6.5 – 10KW


GOODWE



 Giám sát và kiểm soát thông minh

 An toàn và đáng tin cậy

 Thiết kế thân thiện và tỉ mỉ

 Linh hoạt và dễ ứng dụng

Loại	GW8KN-ET	GW10KN-ET
Đầu vào pin		
Loại pin		Li-Ion
Điện áp pin danh định (V)		500
Dải điện áp pin (V)		180 ~ 600
Điện áp khởi động (V)		180
Số pin đầu vào		1
Dòng sạc liên tục tối đa (A) / Dòng xả liên tục tối đa (A) đa		25 / 25
Công suất sạc tối đa (W) / Công suất xả tối đa (W)	9600 / 9600	10000 / 10000
Đầu vào chuỗi PV		
Công suất đầu vào tối đa (W)	12000	15000
Điện áp đầu vào tối đa (V) ^{*1}		1000
Dải điện áp hoạt động MPPT (V) ^{*2}		200 ~ 850
Điện áp khởi động (V) / Điện áp đầu vào danh định (V)		180 / 620
Dòng điện đầu vào tối đa / MPPT (A)		16
Dòng ngắn mạch tối đa / MPPT (A)		21.2
Số MPPT		2
Số chuỗi / MPPT		1 / 1
Đầu ra AC (Hòa lưới)		
Công suất đầu ra danh định (W)	8000	10000
Công suất biểu kiến danh định phát lên lưới (VA)	8000	10000
Công suất biểu kiến tối đa phát lên lưới (VA) ^{*3,4}	8800	11000
Công suất biểu kiến tối đa từ lưới (VA)	15000	15000
Điện áp đầu ra danh định (V)		400 / 380, 3L / N / PE
Dải điện áp đầu ra (V)		0 ~ 300
Dòng điện AC tối đa từ lưới (A)		50 / 60
Dải tần số lưới AC (Hz)		45 ~ 65
Dòng điện AC tối đa đến lưới (A)	13.5	16.5
Dòng điện AC tối đa từ lưới (A)		22.7
Hệ số công suất đầu ra		-1 (Có thể được điều chỉnh từ -0.8 đến 0.8)
Tổng độ méo sóng hài tối đa		<3%
Đầu ra AC (Dự phòng)		
Công suất biểu kiến danh định dự phòng (VA)	8000	10000
Công suất tối đa biểu kiến đầu ra không có lưới (VA) ^{*3}	8000 (16000@60giây)	10000 (16500@60giây)
Công suất tối đa biểu kiến đầu ra có lưới (VA) ^{*3}	8000	10000
Dòng điện đầu ra tối đa (A)	13.5	16.5
Điện áp đầu ra danh định (V)		400 / 380, 3L / N / PE
Tần số đầu ra danh định (Hz)		50 / 60
Tổng độ méo sóng hài đầu ra (@Tải tuyến tính)		<3%
Hiệu suất		
Hiệu suất tối đa / Hiệu suất Châu Âu		98.2% / 97.5%
Hiệu suất cực đại từ pin đến AC / Hiệu suất MPPT		97.5% / 99.9%
Bảo vệ		
Phát hiện điện trở cách điện PV		Tích hợp
Bộ giám sát dòng dư		Tích hợp
Bảo vệ phản cực ngược PV/ Bảo vệ chống đảo		Tích hợp
Bảo vệ quá dòng AC/ Bảo vệ đoàn mạch AC		Tích hợp
Bảo vệ quá áp AC / Công tắc DC		Tích hợp
Bảo vệ chống sét lan truyền DC		Loại II
Bảo vệ chống sét lan truyền AC		Loại III
Tắt máy từ xa		Tích hợp
Dữ liệu chung		
Dải nhiệt độ hoạt động (°C)		-35 ~ +60
Độ ẩm tương đối		0 ~ 95%
Độ cao tối đa (m)		4000
Phương pháp làm mát		Đổi lưu tự nhiên
Giao diện		LED, APP
Giao tiếp với BMS ^{*5}		RS485, CAN
Giao tiếp với đồng hồ đo		RS485
Giao tiếp với cổng thông tin		Wi-Fi
Trọng lượng (kg)		24
Kích thước (W × H × D mm)		415 × 516 × 180
Cấu trúc liên kết		Không cách ly
Tự tiêu thụ ban đêm (W) ^{*6}		<15
Cấp bảo vệ chống xâm nhập		IP66
Phương thức lắp đặt		Già treo tường

*1: Đi với hệ thống 1000V, Điện áp hoạt động tối đa là 950V.

*2: Tuân theo quy định điện lưới của địa phương.

*3: Chỉ có thể đạt được công suất biểu kiến đầu ra cao nhất nếu công suất của PV và pin lưu trữ đủ.

*4: Cho Chile Công suất biểu kiến tối đa phát lên lưới (VA) và Công suất tối đa (VA): GW5K(L)-ET là 5000; GW6K-L-ET là 6000; GW6.5K-ET là 6500; GW8K(L)-ET là 8000; GW10K(L)-ET là 10000.

*5: Giao tiếp CAN được định cấu hình theo mặc định. Nếu giao tiếp 485 được sử dụng vui lòng thay thế đường dây giao tiếp tương ứng.

*6: Không có đầu ra dự phòng.


*: Vui lòng truy cập trang web GoodWe để biết các chứng chỉ mới nhất.


*: Mọi hình ảnh hiện thị đều mang tính chất tham khảo. Bề ngoài thực tế có thể khác biệt.

HYBRID INVERTER 3 PHA GOODWE ET 15 – 30KW


GOODWE



 Giám sát và kiểm soát thông minh

 An toàn và đáng tin cậy

 Thiết kế thân thiện và tỉ mỉ


 Linh hoạt và dễ ứng dụng


Loại	GW15K-ET	GW20K-ET	GW25K-ET	GW30K-ET
Đầu vào pin				
Loại pin	Li-Ion			
Điện áp pin danh định (V)	500			
Dài điện áp pin (V)	200 ~ 800			
Điện áp khởi động (V)	180			
Số pin đầu vào	1		2	
Dòng sạc liên tục tối đa (A) / Dòng xả liên tục tối đa (A)	50 / 50		50x2 / 50x2	
Công suất sạc tối đa (W) / Công suất xả tối đa (W)	15000 / 15000	20000 / 20000	25000 / 25000	30000 / 30000
Đầu vào chuỗi PV				
Công suất đầu vào tối đa (W)	22500	30000	37500	45000
Điện áp đầu vào tối đa (V)	1000			
Dài điện áp hoạt động MPPT (V)	200 ~ 850			
Điện áp khởi động (V) / Điện áp đầu vào danh định (V)	200 / 620			
Dòng điện đầu vào tối đa / MPPT (A)	30			
Dòng ngắn mạch tối đa / MPPT (A)	38			
Số MPPT	2		3	
Số chuỗi mỗi MPPT	2 / 2		2 / 2 / 2	
Đầu ra AC (Hòa lưới)				
Công suất đầu ra danh định (W)	15000	20000	25000	30000
Công suất biểu kiến danh định phát lên lưới (VA)	15000	20000	25000	30000
Công suất biểu kiến tối đa phát lên lưới (VA)	16500	22000	27500	33000
Điện áp đầu ra danh định (V)	380 / 400, 3L / N / PE			
Công suất biểu kiến tối đa từ lưới (VA)	22500	30000	33000	
Tần số lưới AC danh định (Hz)	50 / 60			
Dòng điện AC tối đa đến lưới (A)	25	33.3	41.7	50
Dòng điện AC tối đa từ lưới (A)	34.0	45.0	50.0	
Hệ số công suất đầu ra	~ 1 (Có thể điều chỉnh từ - 0.8 đến 0.8)			
Tổng độ méo sóng hài tối đa	<3%			
Đầu ra AC (Dự phòng)				
Công suất biểu kiến danh định dự phòng (VA)	15000	20000	25000	30000
Công suất tối đa biểu kiến đầu ra không có lưới (VA)	15000 (18000@60s, 24,000@3s)	20000 (24000@60s, 32000@3s)	25000 (30000@60s)	30000 (36000@60s)
Công suất tối đa biểu kiến đầu ra có lưới (VA)	15000	20000	25000	30000
Dòng điện đầu ra tối đa (A)	22.7 (27.3@60s, 36.4@3s)	30.3 (36.4@60s, 48.5@3s)	37.9 (45.5@60s)	45.5 (54.5@60s)
Điện áp đầu ra danh định (V)	380 / 400			
Tần số đầu ra danh định (Hz)	50 / 60			
Tổng độ méo sóng hài đầu ra (@Tải tuyến tính)	<3%			
Hiệu suất				
Hiệu suất tối đa/ Hiệu suất Châu Âu	98.0% / 97.5%			
Hiệu suất tối đa từ pin đến AC/ Hiệu suất MPPT	97.5% / 99.9%			
Bảo vệ				
Giám sát dòng điện chuỗi PV/ Phát hiện điện trở cách điện PV	Tích hợp			
Bộ giám sát dòng dư	Tích hợp			
Bảo vệ chống đảo	Tích hợp			
Bảo vệ phân cực ngược PV/ Bảo vệ phân cực ngược pin	Tích hợp			
Bảo vệ quá dòng AC/ Bảo vệ đoạn mạch AC	Tích hợp			
Bảo vệ quá áp AC / Công tắc DC	Tích hợp			
Bảo vệ chống sét lan truyền DC	Loại II			
Bảo vệ chống sét lan truyền AC	Loại III			
Bộ ngắt mạch lỗi hồ quang	Tùy chọn			
Dữ liệu chung				
Dải nhiệt độ hoạt động (°C)	-35 ~ +60			
Độ ẩm tương đối	0 ~ 95%			
Độ cao tối đa (m)	4000			
Phương pháp làm mát	Làm mát bằng quạt thông minh			
Giao diện	LED, WLAN + APP			
Giao tiếp với BMS	RS485 / CAN			
Giao tiếp với đồng hồ đo	RS485			
Giao tiếp với cổng thông tin	WiFi / 4G			
Trọng lượng (kg)	48			54
Kích thước (W x H x D mm)	520 x 660 x 220			
Cấu trúc liên kết	Không cách ly			
Tự tiêu thụ ban đêm (W)	<15			
Cấp bảo vệ	IP66			
Phương thức lắp đặt	Treo tường			

HYBRID INVERTER 3 PHA


GOODWE ET 40 – 50KW

GOODWE

 Giám sát và kiểm soát thông minh

 An toàn và đáng tin cậy

 Thiết kế thân thiện và tỉ mỉ

 Linh hoạt và dễ ứng dụng




Loại	GW40K-ET	GW50K-ET
Đầu vào pin		
Loại pin		Li-Ion
Điện áp pin danh định (V)		500
Dài điện áp pin (V)		200 ~ 800
Điện áp khởi động (V)		200
Số pin đầu vào		1
Dòng sạc liên tục tối đa (A) / Dòng xả liên tục tối đa (A)		100 / 100
Công suất sạc tối đa (W) / Công suất xả tối đa (W)	44000 / 44000	55000 / 55000
Đầu vào chuỗi PV		
Công suất đầu vào tối đa (W)	60000	75000
Điện áp đầu vào tối đa (V)		1000
Dài điện áp hoạt động MPPT (V)		165 ~ 850
Điện áp khởi động (V) / Điện áp đầu vào danh định (V)		160 / 620
Dòng điện đầu vào tối đa / MPPT (A)	42 / 32 / 42	42 / 32 / 42 / 32
Dòng ngắn mạch tối đa / MPPT (A)	55 / 42 / 55	55 / 42 / 55 / 42
Số MPPT	3	4
Số chuỗi mỗi MPPT		2
Đầu ra AC (Hòa lưới)		
Công suất đầu ra danh định (W)	40000	50000
Công suất biểu kiến danh định phát lên lưới (VA)	40000	50000
Công suất biểu kiến tối đa phát lên lưới (VA)	44000	55000
Điện áp đầu ra danh định (V)		380 / 400, 3L / N / PE
Công suất biểu kiến tối đa từ lưới (VA)	44000	55000
Dài điện áp đầu ra (V)		176 ~ 276
Tần số lưới AC danh định (Hz)		50 / 60
Dài tần số lưới điện xoay chiều (Hz)		45 ~ 65
Dòng điện AC tối đa đến lưới (A)	60.6	75.8
Dòng điện AC tối đa từ lưới (A)	60.6	75.8
Hệ số công suất đầu ra		~1 (Có thể điều chỉnh từ - 0,8 đến 0,8)
Tổng độ méo sóng hài tối đa		<3%
Đầu ra AC (Dự phòng) *1		
Công suất biểu kiến danh định dự phòng (VA)	40000	50000
Công suất biểu kiến đầu ra tối đa (VA)	44000 (48000@60 giây, 60000@10 giây)	55000 (60000@60 giây, 75000@10 giây)
Dòng điện đầu ra tối đa (A)	66.7	83.3
Điện áp đầu ra danh định (V)		380 / 400, 3L / N / PE
Tần số đầu ra danh định (Hz)		50 / 60
Tổng độ méo sóng hài đầu ra (@Tải tuyến tính)		<3%
Hiệu suất		
Hiệu suất tối đa/ Hiệu suất Châu Âu		98.1% / 97.5%
Hiệu suất tối đa từ pin đến AC/ Hiệu suất MPPT		97.7% / 99.0%
Bảo vệ		
Giám sát dòng điện chuỗi PV/ Phát hiện điện trở cách điện PV		Tích hợp
Bộ giám sát dòng dư		Tích hợp
Bảo vệ chống đảo		Tích hợp
Bảo vệ phân cực ngược PV/ Bảo vệ phân cực ngược pin		Tích hợp
Bảo vệ quá dòng AC/ Bảo vệ đoạn mạch AC		Tích hợp
Bảo vệ quá áp AC / Công tắc DC		Tích hợp
Bảo vệ chống sét lan truyền DC		Loại II (Loại I + II Tùy chọn)
Bảo vệ chống sét lan truyền AC		Loại II
AFCI		Tùy chọn
Thiết bị đóng ngắt khẩn cấp		Tùy chọn
Tắt máy từ xa		Tích hợp
Dữ liệu chung		
Dải nhiệt độ hoạt động (°C)		-35 ~ +60
Độ ẩm tương đối		0 ~ 95%
Độ cao tối đa (m)		4000
Phương pháp làm mát		Làm mát bằng quạt thông minh
Giao diện		LED, WLAN + APP
Giao tiếp với BMS		CAN
Giao tiếp với đồng hồ đo		RS485
Giao tiếp với cổng thông tin		WIFI + LAN / 4G (Tùy chọn)
Trọng lượng (kg)	62	65
Kích thước (W x H x D mm)		520 x 660 x 260
Cấu trúc liên kết		Không cách ly
Tự tiêu thụ ban đêm (W)		<15
Cấp bảo vệ		IP66
Phương thức lắp đặt		Treo tường


*1. Chức năng sao lưu chỉ có thể được thực hiện bằng STS Box (Hộp chuyển mạch tĩnh).. *: Hãy truy cập trang website GoodWe để có các chứng chỉ mới nhất.


PIN LƯU TRỮ ĐIỆN ÁP CAO LYNX F G2 SERIES


GOODWE



 Giám sát và kiểm soát thông minh

 An toàn và đáng tin cậy

 Thiết kế thân thiện và ti mi

 Linh hoạt và dễ ứng dụng

Loại	LX F9.6-H-20	LX F12.8-H-20	LX F16.0-H-20	LX F19.2-H-20	LX F22.4-H-20	LX F25.6-H-20	LX F28.8-H-20
Dung lượng khả dụng kWh) ¹	9.6	12.8	16	19.2	22.4	25.6	28.8
Mô-đun pin	LX F3.2-20: 64V 3.2kWh						
Số lượng mô-đun	3	4	5	6	7	8	9
Loại cell	LFP (LiFePO4)						
Điện áp danh định (V)	192	256	320	384	448	512	576
Dải điện áp hoạt động (V)	172.2 ~ 216.6	229.6 ~ 288.8	287.0 ~ 361.0	344.4 ~ 433.2	401.8 ~ 505.4	459.2 ~ 577.6	516.6 ~ 649.8
Dòng sạc / xả danh định(A) ²	35						
Công suất danh định (kW)*2	6.72	8.96	11.20	13.44	15.68	17.92	20.16
Dải nhiệt độ hoạt động (°C)	Sạc: 0 ~ +50; Xả: -20 ~ +50						
Độ ẩm tương đối	0 ~ 95%						
Độ cao tối đa (m)	3000						
Giao tiếp	CAN						
Trọng lượng (kg)	120	154	188	222	256	290	324
Kích thước (W x D x H mm)	600x380x715	600x380x871	600x380x1027	600x380x1183	600x380x1339	600x380x1495	600x380x1651
Cấp bảo vệ	IP55 (Ngoài trời / Trong nhà)						
Cách lắp đặt	Đặt sàn						
Tiêu chuẩn & Chứng nhận An toàn EMC Vận chuyển	IEC62619, IEC62040-1, IEC63056, VDE2510, CE, CEC CE, RCM UN38.3						

*1: Điều kiện thử nghiệm, 100% DOD, 0,2C sạc & xả ở + 25 ± 2°C đối với hệ thống pin lúc đầu. Dung lượng khả dụng của hệ thống có thể thay đổi với các Biến tần khác nhau


*2: Dòng điện xả / sạc danh định và giảm công suất sẽ xảy ra liên quan đến Nhiệt độ và Trạng thái sạc (State of Charge - SOC).


*: Vui lòng truy cập trang web GoodWe để biết các chứng nhận mới nhất. *: Tất cả các hình ảnh hiển thị là chỉ để tham khảo. Hình ảnh thực tế có thể khác.

PIN LƯU TRỮ ĐIỆN ÁP CAO


LYNX A G3 SERIES

GOODWE

 Chẩn đoán và cập nhật từ xa thông qua biến tần

 Công nghệ LFP đáng tin cậy với độ ổn định chu kỳ cao

 Vòng đời dài, >6000 lần (70% EOL)

 Có thể mở rộng lên đến 150 kWh, 30 đầu nối song song



Loại	LYNX A G3
Dung lượng danh nghĩa (kWh)	5.12
Dung lượng khả dụng (kWh) ^{*1}	5
Loại cell	LFP(LiFePO4)
Dải điện áp hoạt động (V)	43.20 ~ 58.24
Dòng điện sạc danh nghĩa (A) ^{*2}	60
Dòng điện sạc liên tục tối đa (A) ^{*2,3}	90
Dòng xả danh nghĩa (A) ^{*2}	100
Dòng điện xả liên tục tối đa (A) ^{*2,3}	150
Dòng điện xả xung tối đa (A) ^{*2,3}	<200 (30s)
Công suất xả liên tục tối đa (W) ^{*2,3}	7200
Giao tiếp	CAN
Dải nhiệt độ hoạt động (oC)	Sạc: 0<T<=55; Xả: -20<T<=55
Thời gian lưu trữ tối đa	12 tháng (Không cần bảo trì)
Độ cao tối đa (m)	4000
Trọng lượng (kg)	44
Kích thước (W x D x H mm)	Phần lõi: 442 x 133 x 520 Tối đa: 483 x 133 x 559
Cấp bảo vệ	IP20
Cách lắp đặt	Hòa lưới / Hòa lưới + Dự phòng / off Grid
Khả năng mở rộng	Tối đa 30 đầu nối song song
Phương pháp lắp đặt	Giá đỡ tiêu chuẩn 19 inch, Gắn trên sàn, Gắn trên tường
Hiệu suất khứ hồi ^{*1}	>=96%
Vòng đời	6000@25 ± 2°C 0.2C 70%EOL
Bảo hành ^{*4}	10 năm
Tiêu chuẩn & Chứng nhận	IEC62619, IEC63056, N140
An toàn	EN IEC 61000-6-1, EN IEC 61000-6-2, EN IEC 61000-6-3, EN IEC
EMC	61000-6-4
Vận chuyển	UN38.3, ADR
Môi trường	ROHS

*1 Điều kiện thử nghiệm: 100% DOD, sạc và xả 0,2C ở nhiệt độ 25°C± 2°C khi bắt đầu sử dụng.







*2 Dòng điện hoạt động và giá trị công suất của hệ thống sẽ liên quan đến nhiệt độ và trạng thái sạc (SOC).

*3 Dòng điện sạc/xả tối đa và giá trị công suất có thể khác nhau tùy theo từng mẫu biến tần

*4 Thời hạn bảo hành tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước trong thời hạn bảo hành hoặc thông lượng năng lượng.

* Vui lòng truy cập trang web GoodWe để biết chứng chỉ mới nhất.

**THIẾT BỊ DÙNG ĐẦU NỐI SONG SONG
TỪ 2 BỘ INVERTER 1 PHA DÒNG ES SERIES**
Ezlink

- 
Mã hóa bất đối xứng an toàn
- 
Kết nối nhiều thiết bị cùng lúc
- 
Khả năng ổn định hệ thống vượt trội
- 
Nhật ký hoạt động có thể được lưu lại
- 
Các phương thức truyền thông rộng rãi: Wi-Fi, mạng LAN
- 
Khả năng tương thích giao thức mạnh mẽ



Loại	Ezlink3000
Dữ liệu chung	
Phương thức kết nối	USB
Giao diện Ethernet (Tùy chọn)	10M / 100M Ethernet
Lắp đặt	Plug and Play
Đèn thông báo	Đèn LED
Kích thước (W x H x D mm)	48 x 153 x 32
Trọng lượng (g)	130
Cấp bảo vệ	IP65
Tiêu thụ điện năng (W)	<5
Chế độ hoạt động	STA
Tham số không dây	
Giao tiếp Bluetooth	Bluetooth 5.1
Giao tiếp WiFi	802.11 b / g / n (2.412GHz - 2.484GHz)
Môi trường	
Dải nhiệt độ vận hành (°C)	-30 °C ~ + 60 °C
Dải nhiệt độ bảo quản (°C)	-40 °C ~ +70 °C
Độ ẩm tương đối	0 - 100% (không ngưng tụ)
Độ cao vận hành tối đa (m)	4000

ĐỒNG HỒ ĐO
GM



Thiết kế dạng mô-đun



Cài đặt dễ dàng



Thu thập dữ liệu chính xác



Bao gồm Cảm biến dòng (CT)

Loại		GM1000	GM1000D	GM3000	
Đầu vào	Loại lưới điện	Một pha	Một pha	Ba pha	
	Điện áp	Điện áp danh định - từ Dây nóng đến Dây nguội (Vac)	110 / 230	110 / 230	230
		Điện áp danh định - từ Dây nóng tới Dây nóng (Vac)	-	-	400
		Dải điện áp	0.88Un - 1.1Un		
	Tần số lưới AC danh định (Hz)	50 / 60			
Dòng điện	Tỷ số máy biến dòng	120A: 40mA			
Truyền thông		RS485			
Khoảng cách truyền thông (m)		1000			
Giao diện		3 đèn LED, nút Reset			
Độ chính xác	Điện áp / Dòng điện	Loại 1			
	Công suất tác dụng	Loại 1			
	Công suất phản kháng	Loại 2			
Tiêu thụ điện năng (W)		<3			
Thông số cơ học	Kích thước (W × H × D mm)	36 × 85 × 66.5			
	Vỏ bọc	2 mô-đun			
	Trọng lượng (g)	250	360	450	
	Lắp đặt	DIN rail			
Môi trường	Cấp bảo vệ	IP20			
	Dải nhiệt độ vận hành (°C)	-25 ~ +60			
	Dải nhiệt độ bảo quản (°C)	-30 ~ +70			
	Độ ẩm tương đối (không ngưng tụ)	0 ~ 95%			
Độ cao vận hành tối đa (m)		2000			

PIN LƯU TRỮ ĐIỆN ÁP THẤP

PYLONTECH BATTERY UF5000

PYLONTECH



An toàn



Kích thước nhỏ gọn



Dễ dàng mở rộng



Tối ưu chi phí tiền điện



Khả năng tương thích



Loại	UF5000
Điện áp danh định (Vdc)	51.2
Điện năng danh định (Wh)	5120
Điện năng khả dụng (Wh)	4864
Kích thước (W x H x D mm)	442 x 452.6 x 161
Khối lượng (Kg)	42
Điện áp xả (Vdc)	45.6 ~ 56.8
Điện áp sạc (Vdc)	56 ~ 56.8
Dòng điện sạc/xả khuyến nghị (A)	100
Dòng điện sạc/xả liên tục tối đa (A)	100
Dòng điện sạc/xả cực đại (A)	105 – 119@15min 120 ~ 200@15sec
Cổng truyền thông	RS485, CAN
Cấu hình (Tối đa trong 1 dãy Pin)	20psc
Nhiệt độ vận hành (°C)	-10°C ~ 55°C
Nhiệt độ lưu trữ (°C)	-20°C ~ 60°C
Dòng điện ngắn mạch/thời gian	<2000A/1ms
Loại làm mát	Tự nhiên
Lớp bảo vệ	I
Cấp bảo vệ	IP20
Độ ẩm	5% ~ 95% (RH) Không ngưng tụ
Độ cao làm việc (m)	≤4000
Chứng nhận	IEC62619 / UN38.3 / RoHS / Reach / WEEE / MSD
Tuổi thọ thiết kế	15 năm (25°C / 77°F)
Tuổi thọ	>6,000, 25°C

PIN LƯU TRỮ ĐIỆN ÁP CAO PYLONTECH BATTERY FORCE H2



An toàn



Thiết kế sang trọng











Khả năng mở rộng đến 20 mô - đun



Loại	FORCE-H2			
Mô-đun Pin	FH9637M			
Điện áp mô-đun pin (Vdc)	96			
Dung lượng mô-đun pin (Ah)	37			
Số lượng mô-đun pin (tùy chọn)	2-5 bộ			
Điện áp hệ thống pin (V)	192	288	384	480
Dung lượng hệ thống pin (Ah)	37			
Điện năng hệ thống pin lưu trữ (kWh)	7.1	10.65	14.21	17.75
Kích thước (W*D*H mm)	450*296*822	450*296*1118	450*296*1414	450*296*1710
Khối lượng (kg)	82	117.5	152	188.5
Độ xả sâu (DOD)	95%			
Dòng sạc/ xả (A)	Khuyến nghị: 18.5 / Tối đa: 40			
Multi-group	Tối đa 6 hệ thống mắc song song			
Cổng truyền thông	CANBUS/Modbus RTU			
Nhiệt độ làm việc/ °C	0~50			
Nhiệt độ lưu trữ/ °C	-20~60			
Độ ẩm	5%~95% (không ngưng tụ)			
Độ cao	<2000			
Tuổi thọ thiết kế	15+ Năm (25°C/77°F)			
Tuổi thọ	>8000, 25°C			
Chứng nhận	VDE-AR-E 2510-50/ IEC62619/IEC63056/IEC62040-1/CEC/CE			


PIN LƯU TRỮ POWERCUBE X & H


-  Tự dùng
-  DG+BESS
-  Nhu cầu sạc pin
-  V2G
-  Micro-grid
-  Dự phòng
-  Off-grid
-  Chuyển dịch cao điểm




Loại	POWERCUBE X1 (480V50Ah)	POWERCUBE X2 (480V74Ah)	POWERCUBE H1 (720V50Ah)	POWERCUBE H2 (576V74Ah)
Mô – đun Pin	H48050	H48074	H48050	H48074
Điện năng hệ thống pin lưu trữ (kWh)	24	35.52	36	46.62
Điện áp hệ thống pin (V)	480		720	576
Dải điện áp hệ thống pin (V)	450 ~ 540		664 ~ 810	531 ~ 648
Hiệu suất (@0.5C-danh định)	96%			
Độ xả sâu (DOD)	95%			
Kích thước (W x D x H mm)	600 x 505 x 1300	600 x 505 x 1380	600 x 502 x 2130	
Khối lượng (kg)	275	330	400	450
Tuổi thọ thiết kế	15+ năm			
Nhiệt độ hoạt động (°C)	0~50			
Độ ẩm	5%~95%			
Độ cao	<2000			
Số lượng mô - đun (tùy chọn)	2 ~ 10 bộ		5 ~ 15 bộ	5 ~ 12 bộ
Chứng nhận	IEC62619/VDE2510-50/UL1793/CE/CEC			IEC62619/UL1973/CE

PIN LƯU TRỮ OPTIMUS ALL IN ONE ESS

 An toàn và tin cậy

 Hệ thống được thiết kế sẵn

 Sự linh hoạt

 Khả năng tích hợp cao



Loại	OPTIMUS ALL IN ONE ESS
Thông số pin	
Loại pin	Lion
Điện năng điện mức (kWh)	107
Dòng sản phẩm pin	Powercube-M2-180/M3A-100
Số lượng mô - đun pin	19
Dải điện áp DC (V)	661 ~ 820
Dòng điện hoạt động tối đa (A)	56 ~ 56.8
Dòng điện hoạt động tối đa (A)	148
Hiệu suất	95%
Thông số PCS DC/AC ở chế độ nối lưới (On-grid)	
Công suất AC danh định (kW)	60 (có thể mở rộng đến 3*62.5)
Điện áp AC danh định ngõ ra (V)	400
Tần số danh định ngõ ra AC (Hz)	50/60
Dòng điện AC tối đa (A)	100
Khả năng quá tải	110% @ 1 phút
Hệ số công suất AC	0.8 (leading) ~ 0.8 (lagging)
THDi	≤3%
Loại cách điện	Không máy biến áp
Hiệu suất đỉnh	98.5%
Thông số PCS DC/AC ở chế độ Off-grid	
Sai số điện áp ngõ ra	≤1%
AC PF	>0.7
Sóng hài điện áp ngõ ra	<3%
Thông số PV DC/DC	
Công suất danh định (kW)	30 (Có thể mở rộng đến 6*30)
Điện áp PV đầu vào (Vdc)	100 – 1000 (Công suất danh định từ 300)
Dòng điện tối đa (A)	100
Hiệu suất tối đa (%)	95.5%
Chế độ hoạt động	
Công tắc On/Off-grid	Mô - đun STS tùy chọn, Thời gian chuyển mạch <20ms
EMS	Màn hình LCD cảm ứng 10 inch
Kiểu truyền thông	Modbus TCP/IP
Thông số chung	
Kích thước (W*H*D mm)	1450*2000*1100
Khối lượng (Kg)	700
Nhiệt độ làm việc (°C)	-20°C ~ 60°C
Cấp độ bảo vệ	IP65 (phòng pin) + IP54 (phòng PCS)
Độ cao	3000
Độ ẩm	0~95%
Chất chữa cháy	Perfluoro
Công suất bộ điều hòa không khí	3kW
Chống ăn mòn	C3 (Tùy chọn nâng cấp lên C5)
Chứng nhận	CE/ IEC62619/ UN38.3/ UN3536

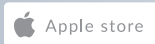


Ứng dụng tra cứu hạn bảo hành
sản phẩm chính hãng

DAT PORTAL

THÔNG TIN TRONG TẦM TAY BẠN

DAT Portal là một công cụ rất tiện ích do chính DAT Group tự nghiên cứu và phát triển giúp đối tác và khách hàng đang sử dụng sản phẩm chính hãng do DAT Group phân phối dễ dàng quản lý, kiểm tra nguồn gốc hàng hóa, lịch sử xuất – nhập kho và thời hạn bảo hành. Chỉ với một chiếc điện thoại thông minh, khách hàng có thể dễ dàng cài đặt và thực hiện các bước tra cứu một cách nhanh chóng.



BƯỚC 1

Tải app DAT Portal trên Apple Store (IOS) hoặc Google Play (Android)



BƯỚC 2

Mở app DAT Portal, chọn “Kiểm tra hạn bảo hành” để quét mã barcode hoặc nhập SeriNo sản phẩm



BƯỚC 3

Quay lại phần “Danh mục” để truy cập website

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DAT

• Trụ sở chính

12 Đông Hưng Thuận 10, KP.3,
P. Đông Hưng Thuận, Q. 12, TP. HCM

Phone (+84) 283 715 7567

Fax (+84) 283 891 6586

• Chi nhánh Hà Nội

Lô 05-10A, KCN Hoàng Mai,
P. Hoàng Văn Thụ, Q. Hoàng Mai, Hà Nội

Phone (+84) 243 252 5000

Fax (+84) 243 253 5000

• Chi nhánh Cần Thơ

45-47 Bùi Quang Trinh, P. Phú Thứ,
Q. Cái Răng, Cần Thơ

Phone (+84) 292 391 7137

Fax (+84) 292 391 7337